

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN**  
**CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 06/2020/TLST/HNGĐ ngày 13 tháng 01 năm 2020, giữa:

\* **Nguyên đơn**: Chị Lê Thị H - Sinh ngày 02/02/1982.

Trú tại: Thôn 5, xã C, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

\* **Bị đơn**: Anh Lê Trọng S - Sinh ngày 02/9/1976.

Trú tại: Thôn 5, xã C, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 khoản 3, 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55; 81; 82; 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 24; khoản 7 Điều 26; điểm a khoản 5; điểm a, b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 06 tháng 4 năm 2020.

**XÉT THẤY**

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 06 tháng 4 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH**

**1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Lê Thị H và anh Lê Trọng S.**

**2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

- **Về hôn nhân**: Chị Lê Thị H và anh Lê Trọng S thống nhất thuận tình ly hôn.

- **Về con chung**: Chị Lê Thị H và anh Lê Trọng S thống nhất vợ chồng có 02 con chung là cháu:

+ Lê Trọng N - Sinh ngày 07/12/1999.

+ Lê Trọng C - Sinh ngày 04/11/2009.

Hai bên thống nhất: Không yêu cầu giải quyết trách nhiệm nuôi cháu N. Khi ly hôn, Chị H trực tiếp nuôi dưỡng cháu C; anh S cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H mỗi tháng 800.000 đồng. Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 4/2020 cho đến khi cháu C đủ 18 tuổi.

Anh S có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

**3. Về tài sản và công nợ:** Chị Lê Thị H và anh Lê Trọng S thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**4. Về án phí:** Chị Lê Thị H và anh Lê Trọng S thống nhất:

+ Anh S chịu 150.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

+ Chị H chịu 150.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Số tiền án phí chị H phải chịu được trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số: AA/2018/0006335 ngày 10/01/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Như Thanh. Chị H được trả lại 150.000 đồng tiền tạm ứng án phí.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./**

**Nơi nhận:**

- VKSND Huyện Như Thanh;
- Chi cục THADS Huyện Như Thanh;
- Các đương sự;
- UBND xã C, huyện N;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**Thẩm phán**

**Lê Đình Huy**